

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ - IDICO**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2012**



(Theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài
chính Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ - IDICO
Năm báo cáo 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500811001 do Sở KHĐT Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 28/9/2011.
- Tên Tiếng Anh : IDICO - PETROLEUM TRADING CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : PVC-IDICO



- Lô gô : PVC-IDICO
- Vốn điều lệ : 827.222.120.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 827.222.120.000 đồng
- Địa chỉ: Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại : 08. 39259975
- Số fax : 08. 39259976
- Website : www.pvcidico.vn
- Mã cổ phiếu : PXL
- Sàn giao dịch : HSX

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Những sự kiện quan trọng

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO (trước đây có tên là Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí - IDICO Long Sơn) được thành lập ngày 09/08/2007 theo giấy phép đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 4903000409, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 3500811001 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 22/1/2010; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 28/9/2011.

Ban đầu, Công ty do 03 cổ đông sáng lập là:

- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC);
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô Thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO),
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC);

Ngày 01/10/2010, cổ đông sáng lập Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) chuyển nhượng toàn bộ 1.236.005 cổ phần sở hữu cho cổ đông PVC. Hiện nay, Công ty gồm 02 cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt

Nam và Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô Thị và Khu công nghiệp Việt Nam cùng với nhiều cổ đông là pháp nhân và cá nhân khác.

Vốn điều lệ thực góp hiện nay của Công ty là **827.222.120.000, đồng** (*Tám trăm hai mươi bảy tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng*);

2.2. Quá trình phát triển

Ngày 29/01/2007 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 15/2007/QĐ – TTg phê duyệt quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2006 – 2015 định hướng đến năm 2020. Theo đó, Bà Rịa – Vũng Tàu sẽ phát triển thành tỉnh công nghiệp, mạnh về kinh tế biển, với hệ thống thương cảng quốc gia và quốc tế, là một trung tâm công nghiệp, dịch vụ du lịch của cả nước.

Để đạt được mục tiêu trên, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sẽ tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp chủ lực trên cơ sở phát huy tiềm năng thế mạnh của Tỉnh, xúc tiến mạnh công tác thăm dò và khai thác dầu khí, phát triển các ngành công nghiệp dịch vụ, hỗ trợ dầu khí và các ngành sử dụng khí làm nguyên liệu, nhiên liệu; các ngành công nghiệp đóng tàu, công nghiệp dịch vụ cảng, phục vụ cho các hoạt động vận tải biển.

Đầu năm 2007, Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam đã đề xuất với Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu thành lập khu công nghiệp lọc hóa dầu Long Sơn với diện tích đất là 1.250 ha tại địa bàn xã Long Sơn, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Khu công nghiệp này sẽ bao gồm các dự án chính là Xây dựng nhà máy lọc dầu số 3, Tổ hợp hóa dầu Miền Nam và hai dự án phụ trợ là Nhà máy điện và khu dịch vụ Dầu khí. Đây là những dự án lớn của ngành Dầu khí và đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Ngày 24/5/2007 Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam đã ký quyết định số 1590/NQ – ĐKVN về việc phê duyệt phương án thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí IDICO Long sơn và quy định cụ thể chức năng nhiệm vụ, quy mô dự án, kế hoạch triển khai dự án.

Ngày 30 tháng 7 năm 2007, Đại hội đồng cổ đông Thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn được tiến hành với sự tham gia của đại diện lãnh đạo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty IDICO, lãnh đạo các sở ban ngành tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, và các cổ đông khác.

Ngày 09/08/2007 Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000409 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu với vốn điều lệ đăng ký là 1.200.000.000.000 đồng (một ngàn hai trăm tỷ đồng) và vốn điều lệ thực góp tại thời điểm này là 276.000.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi sáu tỷ đồng chẵn).

Ngày 01/06/2009, Đại hội đồng cổ đông Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn đã thông qua việc giảm vốn điều lệ xuống 827.222.120.000 đồng căn cứ vào tình hình góp vốn thực tế cũng như hoạt động kinh doanh của công ty.

Hiện nay, Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 04 ngày 28/09/2011 với mức vốn điều lệ đăng ký là 827.222.120.000 đồng và vốn thực góp là 827.222.120.000 đồng.

Quá trình góp vốn của công ty kể từ khi thành lập dưới hình thức công ty cổ phần được cụ thể như sau:

Ngày 9 tháng 8 năm 2007, Công ty được thành lập dưới hình thức là công ty cổ phần với vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 1.200.000.000.000 đồng, trong đó 3 cổ đông sáng lập đăng ký góp vốn là 276.000.000.000 đồng;

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2007, các cổ đông của công ty đã góp được 567.065.000.000 đồng, tương đương 47,26%;

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 151/NQ – ĐHĐCĐ ngày 17/12/2007, Đại hội đồng cổ đông đã chấp thuận việc chuyển quyền sở hữu số cổ phần của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cổ đông sáng lập của Công ty, với giá trị tương đương là 144.000.000.000 đồng chiếm 12% vốn điều lệ sang Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí. Theo đó, kể từ ngày 17/12/2007 Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí trở thành cổ đông sáng lập của công ty;

Tại ngày 31/12/2008, số vốn góp của các cổ đông của Công ty là 827.222.126.955 đồng, tương đương 68,94 %;

Theo Nghị quyết số 36/NQ – ĐHĐCĐ ngày 1/6/2009 Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua việc thay đổi vốn điều lệ, theo đó vốn điều lệ của Công ty giảm từ 1.200.000.000.000 đồng còn 827.222.120.000 đồng, tương ứng với số cổ phần đã góp.

Sau hơn 5 năm hoạt động với đội ngũ cán bộ nhân viên trẻ, có trình độ và năng lực PVC-IDICO đã đoàn kết, nỗ lực vượt qua những khó khăn về thị trường và đã đạt được những kết quả nhất định trong các năm từ 2007 đến năm 2012.

Hiện nay, Công ty đang triển khai thực hiện một số dự án trọng điểm như sau:

- Dự án khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn tại xã Long Sơn, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Dự án Khu đô thị mới Chí Linh – Cửa Lấp với diện tích đất dự án 66,4 ha tại phường 12, Thành phố Vũng Tàu.
- Dự án Chung cư cao cấp và Trung tâm thương mại Long Sơn Petro Building, tại 1351 Huỳnh Tấn Phát, Q.7, Tp. Hồ Chí Minh.
- Ngoài ra Công ty đã và đang triển khai hợp tác đầu tư một số dự án kinh doanh bất động sản tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận; dự án thủy điện Đắc-Mi 4 tại tỉnh Quảng Nam; đầu tư góp vốn vào vốn điều lệ của các công ty trong Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới đất - dưới nước; Xây dựng công trình đường ống cấp - thoát nước; Xây dựng kết cấu công trình, Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp;
- Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan đến khu công nghiệp, khu đô thị;
- Kinh doanh dịch vụ cảng, bến cảng;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, phụ tùng thay thế; Kinh doanh vật tư, máy móc ngành công nghiệp, dầu khí, khai khoáng, lâm nghiệp, nông nghiệp và xây dựng.

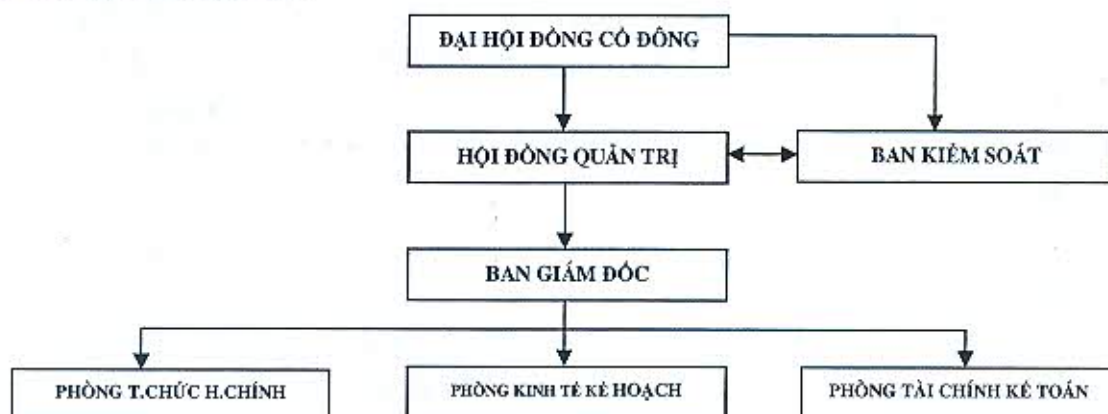
COB
CÔNG
CỐ P
TƯ X
HUY
DẦU KHÍ
TP. H

Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh chính của Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và các tỉnh lân cận. Phạm vi hoạt động của Công ty trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Mô hình quản trị: Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các Phòng/ban trực thuộc công ty.

– Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con: Không có

- Các công ty liên kết: Hiện nay Công ty đang góp vốn vào các công ty liên kết sau:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt): Số lượng vốn góp 201.515.000.000 đồng/430.000.000.000 đồng vốn điều lệ, chiếm 46,86% vốn điều lệ của PVC-Phú Đạt.

2. Công ty Cổ phần Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu Khí (PVC-Metal): Số lượng vốn góp 14.000.000.000 đồng/70.000.000.000 đồng vốn điều lệ, chiếm 20,00% vốn điều lệ của PVC-Metal.

- Các công ty góp vốn đầu tư dài hạn khác:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG): số lượng vốn góp 28.500.000.000 đồng/350.000.000.000 đồng vốn điều lệ, chiếm 8,14%.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC): số lượng vốn góp 11.000.000.000 đồng/150.000.000.000 đồng vốn điều lệ, chiếm 7,33%.

3. Công ty Cổ phần Khách Sạn Lam Kinh: số lượng vốn góp 28.382.391.454 đồng/160.000.000.000 đồng vốn điều lệ, chiếm 17,74%.

4. Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Mi: số lượng vốn góp 80.000.000.000 đồng/1.000.000.000.000 đồng vốn điều lệ, chiếm 8,00%.

5. Định hướng phát triển

Kinh doanh bất động sản sẽ là chiến lược phát triển lâu dài của Công ty. Công ty sẽ giảm dần hoạt động đầu tư tài chính.

Duy trì vị thế là doanh nghiệp trong điểm trong ngành Dầu khí về lĩnh vực đầu tư hạ tầng, khu công nghiệp, khu chung cư.

Triển khai các dự án chung cư cao tầng, chú trọng các sản phẩm bất động sản cho phân khúc thị trường trung bình khá. Đầu tư các sản phẩm cao cấp tại các vị trí trung tâm. Tiếp tục triển khai các dự án dở dang, đẩy mạnh triển khai các dự án đầu tư mới mà Công ty đang xúc tiến.

Tham gia góp vốn vào một số công ty trong và ngoài ngành Dầu khí nhằm khai thác tiềm năng cũng như thế mạnh của các doanh nghiệp này, thông qua các doanh nghiệp này để tiềm kiếm cơ hội đầu tư.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2012 là năm mà nền kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thị trường bất động sản trầm lắng làm ảnh hưởng tới công tác bán hàng và hoạt động thu hồi vốn, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận thấp hơn so với kế hoạch đề ra.

Đứng trước tình hình thị trường khó khăn như vậy, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc cùng với Cán bộ công nhân viên Công ty đã phải nỗ lực hết mình tìm kiếm các đối tác, nguồn vốn, tiết kiệm tối đa chi phí nhằm cố gắng bảo toàn vốn của cổ đông, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và thu nhập cho Cán bộ công nhân viên Công ty.

Kết quả hoạt động SXKD năm 2012 của Công ty đã đạt được như sau:

STT	Các chỉ tiêu	KH năm 2012 (tỷ đồng)	Thực hiện (tỷ đồng)
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	169,1	122,33
2	Lợi nhuận trước thuế và trích lập dự phòng	25,58	10,67
3	Trích lập dự phòng	0	10,48
4	Lợi nhuận sau thuế	22,96	0,19

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số lượng CP có quyền biểu quyết
1	Trần Mạnh Dũng	Giám đốc	10.000
2	Hoàng Bình Trung	Phó Giám đốc	6.500
3	Phạm Việt Bằng	Phó Giám đốc/Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch	6.500
4	Lê Chuyển	Phó Giám đốc	0
5	Phạm Quang Tùng	Kế toán trưởng	0

Tóm tắt lý lịch Ban điều hành

2.1.1 Ông Trần Mạnh Dũng - Giám đốc

Ngày sinh : 10/8/1961

Quê quán : Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Địa chỉ thường trú: Nguyễn Hữu Cảnh, P. Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu

Số CMND: 273445104 cấp ngày 29/3/2008 tại Công an Bà Rịa Vũng Tàu

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng cảng

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1984-9/1986	Xí nghiệp xây dựng số 1-Xí nghiệp liên hiệp xây lắp Dầu khí	Cán bộ phòng Kỹ thuật
01/1987-12/1994	Xí nghiệp liên hiệp xây lắp Dầu khí	Cán bộ phòng Lao động tiền lương
01/1995-10/1995	Xí nghiệp kết cấu thép-Xí nghiệp liên hiệp xây lắp Dầu khí	Đội trưởng đội lắp ráp
11/1995-10/1998	Xí nghiệp kết cấu kim loại và lắp máy-Xí nghiệp liên hiệp xây lắp Dầu khí	Đội trưởng đội lắp ráp số 1
11/1998-11/2004	Xí nghiệp kết cấu kim loại và lắp máy-Công ty thiết kế và xây lắp Dầu khí	Phó Giám đốc
12/2004-3/2006	Xí nghiệp sửa chữa các công trình Dầu khí	Phó Giám đốc
4/2006-8/2007	Xí nghiệp sửa chữa các công trình Dầu khí	Giám đốc
9/2007-12/2009	Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí-IDICO Long Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
01/2010-5/2010	Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí-IDICO Long Sơn	Ủy viên Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc
6/2010-6/2012	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị/Giám đốc
6/2012 đến nay	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	Ủy viên Hội đồng quản trị/Giám đốc

2.1.2 Ông Hoàng Bình Trung - Phó Giám đốc

Ngày sinh : 26/9/1957

Quê quán : Xã Hoàng Văn Thụ, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Bà Huyện Thanh Quan, Phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh BRVT

Số CMND : 273140200 cấp ngày 28/10/1999 tại Công an Bà Rịa Vũng Tàu

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/1979-11/1985	Công ty chế tạo thiết bị điện Đông Anh, Hà Nội	Công nhân
12/1985-7/2007	Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Nhân viên
8/2007-8/2008	Ban quản lý đầu tư xây dựng, Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó Ban
9/2008-4/2009	Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam	Trưởng văn phòng Đại diện Vũng Tàu
5/2009-8/2009	Công ty cổ phần quản lý và phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Trưởng phòng Kinh doanh
9/2009-6/2012	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	Phó Giám đốc
6/2012 đến nay	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	Ủy viên HĐQT/Phó Giám đốc

2.1.3 Ông Phạm Việt Bằng - Phó Giám đốc/Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch

Ngày sinh : 29/5/1969

Quê quán : Xã Đông Ngạc, Huyện Từ Liêm, Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Lô 8 Cư xá Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh

Số CMND : 023994598 cấp ngày 15/3/2002 tại Công an Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/1993-02/1996	Công ty công trình giao thông 67-Bộ Giao thông vận tải	Cán bộ kỹ thuật
03/1996-11/2004	Ban quản lý dự án đầu tư 02-Bộ Quốc phòng	Trợ lý kế hoạch
12/2004-01/2007	Ban quản lý dự án 45-Bộ Quốc phòng	Trợ lý kế hoạch
02/2007-03/2009	Ban quản lý dự án 9- Bộ Quốc phòng	Trợ lý kế hoạch
4/2009-8/2009	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam	Phó phòng-Phụ trách phòng Đầu tư dự án
9/2009-01/2010	Công ty Cổ phần Đầu tư KCN	Trưởng phòng Kế hoạch

	Dầu khí-IDICO Long Sơn	Đầu tư
02/2010-5/2012	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	Phó Giám đốc
6/2012 đến nay	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	Phó Giám đốc/Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch

2.1.4 Ông Lê Chuyển - Phó Giám đốc

Ngày sinh : 01/01/1961

Quê quán : Duy Trinh, Duy Xuyên, Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: Phạm Ngọc Thạch, Phường 9, Tp. Vũng Tàu, tỉnh BRVT

Số CMND: 271470345 cấp ngày 28/10/2002 tại Công an Bà Rịa Vũng Tàu

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1984-1986	Xí nghiệp liên hiệp xây lắp Dầu khí	Cán bộ kỹ thuật
1986-1997	Xí nghiệp liên hiệp xây lắp Dầu khí	Đội trưởng
1997-1999	Công ty thiết kế và xây dựng Dầu khí	Phụ trách nhóm xây dựng
1999-2005	Công ty thiết kế và xây dựng Dầu khí	Phó phòng kỹ thuật sản xuất
2006-2008	Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cán bộ kỹ thuật
2008-7/2010	Tổng Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó ban kỹ thuật an toàn
7/2010-11/2010	Công ty cổ phần đầu tư KCN Dầu khí-IDICO Long Sơn	Trưởng phòng quản lý dự án
12/2010 đến nay	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	Phó Giám đốc

2.1.5 Ông Phạm Quang Tùng - Kế toán trưởng

Ngày sinh : 21/7/1977

Quê quán : Giao Thủy, Nam Định

Địa chỉ thường trú : Hội Sơn, Anh Sơn, Nghệ An

Chỗ ở hiện nay : Nguyễn Trãi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Số CMND: 186483630 Cấp ngày 31/01/2005 Nơi cấp: Công an Nghệ An

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2002-02/2004	Nhà máy Xi măng 12/9	Nhân viên hạch toán kinh tế Phân xưởng SX Xi măng
03/2004-12/2005	Công ty Xi măng 12/9	Kế toán - Phòng TCKT
01/2006-03/2009	Công ty Cổ phần Xi măng 12/9	Kế toán tổng hợp
04/2009-10/2010	Công ty CP Xi măng Dầu khí 12/9	Phó Phòng TCKT
10/2010-11/2010	Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí - IDICO Long Sơn	Chuyên viên Phòng TCKT
11/2010-01/2011	Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí – IDICO Long Sơn	Phó Phòng TCKT
02/2011-11/2011	Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí – IDICO Long Sơn	Phó phòng, Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán
12/2011 đến nay	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	Kế toán trưởng

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

2.3 Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách với người lao động

2.3.1 Số lượng cán bộ công nhân viên

Stt	Tên Phòng/Ban/Bộ phận	Số lượng	Ghi chú
1	Hội đồng quản trị	05	01 Chủ tịch chuyên trách 04 Thành viên kiêm nhiệm
2	Ban Kiểm soát	03	03 Thành viên kiêm nhiệm
3	Ban Giám đốc	04	
4	Phòng Tổ chức Hành chính	08	02 nhân viên đi học nâng cao nghiệp vụ
5	Phòng Kinh tế Kế hoạch	14	
6	Phòng Tài chính Kế toán	6	
Tổng cộng		40	Lao động thực tế tại thời điểm báo cáo là 33 người (Không tính TV HĐQT, BKS kiêm nhiệm)

2.3.2 Chính sách với người lao động

- Tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật.
- Tạo điều kiện cho người lao động đi học nâng cao nghiệp vụ, phục vụ yêu cầu công việc được giao.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Đầu tư xây dựng cơ bản

3.1.1 Dự án KCN Dầu khí Long Sơn

- Hoàn thành việc điều chỉnh Thỏa thuận địa điểm, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn diện tích từ 1250 ha xuống 850 ha.

- Hoàn thành ký kết thỏa thuận chấm dứt với Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn và thu về khoản chi phí quá khứ liên quan đến Tổ hợp Hóa dầu Miền Nam.

3.1.2 Dự án Khu đô thị mới Chí Linh-Cửa Lấp

- Quy mô dự án: Dự án được xây dựng trên diện tích 65,7 ha tại Phường 12, Tp.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với Tổng mức đầu tư phần Hạ tầng kỹ thuật khoảng 1.812 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện của dự án:
 - + Giai đoạn I (2012-2014): Giải phóng mặt bằng và tái định cư.
 - + Giai đoạn II (2014-2015): Khởi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Hoàn thành lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư.
- Hoàn thành nộp Hồ sơ xin phép đầu tư và UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có Quyết định cho phép PVC-IDICO đầu tư tại dự án.
- Hiện nay, PVC-IDICO đang tiến hành các thủ tục liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và triển khai công tác Khảo sát địa chất công trình phục vụ TKBVTC Hạ tầng kỹ thuật của dự án.

3.1.3 Dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát

- Quy mô dự án: Dự án được xây dựng trên diện tích 3.394,6 m² tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận, Q.7, Tp.Hồ Chí Minh với thiết kế gồm: 6 tầng thương mại, 28 tầng căn hộ, 2 tầng hầm với tổng diện tích sàn xây dựng là 33.634,6m². Tổng mức đầu tư dự án khoảng 477 tỷ đồng, trong đó PVC-IDICO tham gia góp 55% vốn chủ sở hữu của dự án (chiếm 30% tổng mức đầu tư) các đối tác khác cùng tham gia dự án gồm: Petroland (27%VCSH), PVFC LAND (8% VCSH), Khang Thông (10% VCSH).
- Tiến độ hoàn thành dự kiến: 30/06/2014.
- Dự án đã cơ bản hoàn thành thi công hạng mục Đài giằng móng và Tầng hầm, hiện nay các bên đang tiến hành các thủ tục nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình.

3.1.4 Dự án HTĐT Khu nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp

- Quy mô dự án: Dự án được xây dựng trên diện tích 30,63 ha tại Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với Tổng mức đầu tư khoảng 465 tỷ đồng, trong đó PVC-IDICO tham gia góp 30% vốn chủ sở hữu của Dự án (chiếm 35% tổng mức đầu tư) các đối tác khác tham gia Dự án gồm: PVSH (40%VCSH), Petroland (30%VCSH).
- Về thủ tục đã và đang triển khai tại dự án: Dự án đã có quyết định phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điều chỉnh; hoàn thành công tác khảo sát phục vụ lập dự án đầu tư; đang tiến hành triển khai TKCS, lập dự án đầu tư, thủ tục đấu nối hạ tầng kỹ thuật, đánh giá tác động môi trường...
- Về công tác giải phóng mặt bằng: Dự án đã giải phóng được 78,3% đất của dự án.

3.1.5 Dự án HTĐT Khách sạn Dầu khí Kinh Bắc

- Quy mô dự án: Dự án được xây dựng trên diện tích 4.767 m² tại số 18 đường Nguyễn Đăng Đạo, Tp.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh với thiết kế gồm: 14 tầng nổi + 01 tầng mái, diện tích sàn xây dựng là 24.255 m². Tổng mức đầu tư của Dự án khoảng 302 tỷ đồng, trong đó PVC-IDICO góp 50% VCSH và PVC-KBC góp 50% VCSH.

- Hiện nay, đại diện Chủ đầu tư (PVC-KBC) đang tìm kiếm đối tác để hợp tác đầu tư hoặc chuyển nhượng dự án và thực hiện các thủ tục để chuyển đổi chức năng sử dụng đất khu đất dự án từ chức năng đầu tư “Khách sạn” thành chức năng đầu tư “Tháp đôi phục vụ nhu cầu nhà ở”.

3.1.6 Các dự án Hợp tác đầu tư khác

Dự án Chung cư Thái An 3&4; dự án Cao ốc Lucky Apartment; dự án Chung cư Khang Gia Gò Vấp; dự án Khu dân cư Nam Long; Tiếp tục công tác bán hàng.

3.1.7 Công tác kinh doanh vật tư vật liệu ngành xây dựng

Bên cạnh việc trực tiếp đầu tư và hợp tác đầu tư vào các dự án bất động sản nêu trên, Công ty cũng đã thực hiện các hợp đồng cung cấp sắt thép cho các dự án góp phần mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

3.2. Đầu tư góp vốn

Tính đến ngày 31/12/2012, tổng số vốn góp của PVC-IDICO vào các doanh nghiệp khác là 363,4 tỷ đồng, cụ thể như sau:

STT	Tên doanh nghiệp	Mục đích/Nội dung góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ vốn góp/Vốn điều lệ DN
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt)	Nhận chuyển nhượng phần vốn góp từ PVFC	201,5 tỷ	46,86%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Góp vốn thành lập công ty	28,5 tỷ	22,00%
3	Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	Góp vốn thành lập công ty	14,0 tỷ	20,00 %
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	Góp vốn thành lập công ty	11,0 tỷ	7,33%
5	Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Chuyển giá trị góp vốn đầu tư dự án thành vốn cổ phần	28,4 tỷ	17,74%
6	Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Mi	Chuyển giá trị góp vốn đầu tư dự án thành vốn cổ phần	80,0 tỷ	8,00%
Tổng cộng			363,4 tỷ	

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	993,052,617,346	978,067,459,864	(14,985,157,482)
Doanh thu thuần	176,495,467,626	80,029,990,674	(96,465,476,952)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2,594,869,410	(3,996,644,951)	(6,591,514,361)
Lợi nhuận khác	9,234,208,884	4,183,304,549	(5,050,904,335)
Lợi nhuận trước thuế	11,829,078,294	186,659,598	(11,642,418,696)
Lợi nhuận sau thuế	9,993,676,097	186,659,598	(9,807,016,499)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	4.29	4.08	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	3.4	3.49	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.15	0.14	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.17	0.16	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	0.94	1.89	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.18	0.08	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.0566	0.0023	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.0118	0.0002	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.01	0.0002	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.0147	-0.0499	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 82.722.212 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành : Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 82.722.212 cổ phần

- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Công ty không có chứng khoán lưu hành tại nước ngoài, không bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài.

5.2 Cơ cấu cổ đông

Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ lẻ

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	13.236.005	16%
2	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam	7.064.103	8,5%
3	Cổ đông nhỏ lẻ: 13.105 cổ đông	62.422.104	75,5%

Cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ
1	Cổ đông tổ chức: 43 cổ đông	35.468.404	42,9%
2	Cổ đông cá nhân: 13.064 cổ đông	47.253.808	57,1%

Cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ
1	Cổ đông trong nước: 13.094 cổ đông	82.634.552	99,9%
2	Cổ đông nước ngoài: 13 cổ đông	87.660	0,1%

(Nguồn số liệu: Danh sách cổ đông chốt ngày 02/4/2013)

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không thay đổi

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không có

5.5 Các chứng khoán khác : Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Phần I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2012

Năm 2012 là năm mà nền kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thị trường bất động sản trầm lắng làm ảnh hưởng tới công tác bán hàng và hoạt động thu hồi vốn, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận thấp hơn so với kế hoạch đề ra.

Đứng trước tình hình thị trường khó khăn như vậy, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc cùng với Cán bộ công nhân viên Công ty đã phải nỗ lực hết mình tìm kiếm các đối tác, nguồn vốn, tiết kiệm tối đa chi phí nhằm cố gắng bảo toàn vốn của cổ đông, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và thu nhập cho Cán bộ công nhân viên Công ty.

Kết quả hoạt động SXKD năm 2012 của Công ty đã đạt được như sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU:

STT	Các chỉ tiêu	KH năm 2012 điều chỉnh (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2012 (tỷ đồng)
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	169,10	122,33
2	Lợi nhuận trước thuế và trích lập dự phòng	25,58	10,67
3	Trích lập dự phòng	0	10,48
4	Lợi nhuận sau thuế	22,96	0,19

II. ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

1. Công tác đầu tư

1.1. Đầu tư xây dựng cơ bản

1.1.1 Dự án KCN Dầu khí Long Sơn

- Hoàn thành việc điều chỉnh Thỏa thuận địa điểm, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn diện tích từ 1250 ha xuống 850 ha.
- Hoàn thành ký kết thỏa thuận chấm dứt với Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn và thu về khoản chi phí quá khứ liên quan đến Tổ hợp Hóa dầu Miền Nam.

1.1.2 Dự án Khu đô thị mới Chí Linh-Cửa Lấp

- Quy mô dự án: Dự án được xây dựng trên diện tích 65,7 ha tại Phường 12, Tp.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với Tổng mức đầu tư phần Hạ tầng kỹ thuật khoảng 1.812 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện của dự án:
 - + Giai đoạn I (2012-2014): Giải phóng mặt bằng và tái định cư.
 - + Giai đoạn II (2014-2015): Khởi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Hoàn thành lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư.

- Hoàn thành nộp Hồ sơ xin phép đầu tư và UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có Quyết định cho phép PVC-IDICO đầu tư tại dự án.
- Hiện nay, PVC-IDICO đang tiến hành các thủ tục liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và triển khai công tác Khảo sát địa chất công trình phục vụ TKBVTC Hạ tầng kỹ thuật của dự án.

1.1.3 Dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát

- Quy mô dự án: Dự án được xây dựng trên diện tích 3.394,6 m² tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận, Q.7, Tp.Hồ Chí Minh với thiết kế gồm: 6 tầng thương mại, 28 tầng căn hộ, 2 tầng hầm với tổng diện tích sàn xây dựng là 33.634,6m². Tổng mức đầu tư dự án khoảng 477 tỷ đồng, trong đó PVC-IDICO tham gia góp 55% vốn chủ sở hữu của dự án (chiếm 30% tổng mức đầu tư) các đối tác khác cùng tham gia dự án gồm: Petroland (27%VCSH), PVFC LAND (8% VCSH), Khang Thông (10% VCSH).
- Tiến độ hoàn thành dự kiến: 30/06/2014.
- Dự án đã cơ bản hoàn thành thi công hạng mục Đài giằng móng và Tầng hầm, hiện nay các bên đang tiến hành các thủ tục nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình.

1.1.4 Dự án HTĐT Khu nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp

- Quy mô dự án: Dự án được xây dựng trên diện tích 30,63 ha tại Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với Tổng mức đầu tư khoảng 465 tỷ đồng, trong đó PVC-IDICO tham gia góp 30% vốn chủ sở hữu của Dự án (chiếm 35% tổng mức đầu tư) các đối tác khác tham gia Dự án gồm: PVSH (40%VCSH), Petroland (30%VCSH).
- Về thủ tục đã và đang triển khai tại dự án: Dự án đã có quyết định phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điều chỉnh; hoàn thành công tác khảo sát phục vụ lập dự án đầu tư; đang tiến hành triển khai TKCS, lập dự án đầu tư, thủ tục đấu nối hạ tầng kỹ thuật, đánh giá tác động môi trường...
- Về công tác giải phóng mặt bằng: Dự án đã giải phóng được 78,3% đất của dự án.

1.1.5 Dự án HTĐT Khách sạn Dầu khí Kinh Bắc

- Quy mô dự án: Dự án được xây dựng trên diện tích 4.767 m² tại số 18 đường Nguyễn Đăng Đạo, Tp.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh với thiết kế gồm: 14 tầng nổi + 01 tầng mái, diện tích sàn xây dựng là 24.255 m². Tổng mức đầu tư của Dự án khoảng 302 tỷ đồng, trong đó PVC-IDICO góp 50% VCSH và PVC-KBC góp 50% VCSH.
- Hiện nay, đại diện Chủ đầu tư (PVC-KBC) đang tìm kiếm đối tác để hợp tác đầu tư hoặc chuyển nhượng dự án và thực hiện các thủ tục để chuyển đổi chức năng sử dụng đất khu đất dự án từ chức năng đầu tư “Khách sạn” thành chức năng đầu tư “Tháp đôi phục vụ nhu cầu nhà ở”.

1.1.6 Các dự án Hợp tác đầu tư khác

Dự án Chung cư Thái An 3&4; dự án Cao ốc Lucky Apartment; dự án Chung cư Khang Gia Gò Vấp; dự án Khu dân cư Nam Long: Tiếp tục công tác bán hàng.

207
Y
N
DUN
MẠI
IDICO
ĐC

1.1.7 Công tác kinh doanh vật tư vật liệu ngành xây dựng

Bên cạnh việc trực tiếp đầu tư và hợp tác đầu tư vào các dự án bất động sản nêu trên, Công ty cũng đã thực hiện các hợp đồng cung cấp sắt thép cho các dự án góp phần mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

1.2. Đầu tư góp vốn

Tính đến ngày 31/12/2012, tổng số vốn góp của PVC-IDICO vào các doanh nghiệp khác là 363,4 tỷ đồng, cụ thể như sau:

Stt	Tên doanh nghiệp	Mục đích/Nội dung góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ vốn góp/Vốn điều lệ DN
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt)	Nhận chuyển nhượng phần vốn góp từ PVFC	201,5 tỷ	46,86%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Góp vốn thành lập công ty	28,5 tỷ	22,00%
3	Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	Góp vốn thành lập công ty	14,0 tỷ	20,00 %
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	Góp vốn thành lập công ty	11,0 tỷ	7,33%
5	Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Chuyển giá trị góp vốn đầu tư dự án thành vốn cổ phần	28,4 tỷ	17,74%
6	Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Mi	Chuyển giá trị góp vốn đầu tư dự án thành vốn cổ phần	80,0 tỷ	8,00%
Tổng cộng			363,4 tỷ	

2. Công tác Tài chính

- Chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về chế độ tài chính kế toán, quản lý tài sản, sử dụng vốn trong doanh nghiệp.
- Tiếp tục hợp đồng dịch vụ chi trả cổ tức với Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện chi trả cổ tức các năm 2008, 2009 cho cổ đông và cổ tức 2010 cho người sở hữu chứng khoán chưa lưu ký.
- Hoàn thành các thủ tục và ký thỏa thuận chấm dứt với Công ty TNHH Hóa Dầu Long Sơn (LSP) để thu về chi phí quá khứ liên quan đến Dự án Tổ hợp Hóa Dầu Miền Nam, góp phần tăng thêm nguồn thu nhập cho Công ty (tổng số tiền chi phí

quá khứ thanh quyết toán với LSP là 18,4 tỷ đồng, trong đó có 4 tỷ đồng được ghi nhận là khoản thu nhập trong năm).

3. Công tác Tổ chức - Hành chính

- Công ty hiện có 3 phòng chức năng (TCHC, KTKH và TCKT).
- Tổng số CBCNV công ty hiện nay là 36 người, trong đó:
 - + Hội đồng quản trị : 01 người và 04 người kiêm nhiệm
 - + Ban Giám đốc : 04 người
 - + Phòng Tổ chức - Hành chính : 10 người
 - + Phòng Kinh tế - Kế hoạch : 15 người
 - + Phòng Tài chính Kế toán : 06 người
- Cơ cấu lao động:
 - + Nam : 22 người
 - + Nữ : 14 người
- Trình độ chuyên môn:
 - + Đại học : 25 người
 - + Cao đẳng, trung cấp : 09 người
 - + Kỹ thuật : 02 người
- Trong năm 2012, Công ty đã làm thủ tục thành lập phòng Kinh tế - Kế hoạch trên cơ sở sát nhập 03 phòng chức năng là: P.KHĐT, P.QLDA và P.Kinh doanh, theo đó Công ty cũng làm thủ tục miễn nhiệm chức danh Trưởng/phó phòng P.KHĐT, P.QLDA và P.KD; Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của P.KTKH, Giám đốc đã giao nhiệm vụ cho 01 Đồng chí Phó Giám đốc trực tiếp phụ trách P.KTKH và bổ nhiệm 03 phó phòng chuyên môn.

4. Công tác An sinh xã hội

Song song với các hoạt động SXKD, trong năm 2012 công ty đã quan tâm sâu sắc đến công tác từ thiện, đảm bảo an sinh xã hội. Công ty đã tích cực tham gia nhiều hoạt động từ thiện tại tỉnh Nam Định, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương và một số tỉnh thành khác. Số tiền PVC-IDICO đã đóng góp cho công tác an sinh xã hội là: 887 triệu đồng.

5. Công tác thi đua khen thưởng

Với những kết quả đạt được như trên, trong năm 2012 công ty có 02 tập thể đạt danh hiệu LĐTT, 22 cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, Công ty đã làm thủ tục đề nghị Tổng giám đốc PVC khen thưởng cho 02 tập thể và 02 cá nhân đủ điều kiện đạt danh hiệu thi đua.

III. MỘT SỐ TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại

- Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh còn thấp.
- Một số dự án do Công ty là chủ đầu tư và Hợp tác đầu tư triển khai còn chậm ảnh hưởng công tác bán hàng và hiệu quả thu hồi vốn.

2. Nguyên nhân

- Công ty mới thực sự tham gia vào thị trường bất động sản từ tháng 6/2010, các dự án của công ty đang trong quá trình đầu tư, lại rơi vào đúng thời điểm nền kinh tế khủng hoảng, thị trường bất động sản trầm lắng vì vậy doanh thu và lợi nhuận của công ty còn hạn chế.
- Công tác quản lý còn chưa thật chuyên nghiệp, sự phối hợp giữa các nhà thầu tham gia vào dự án chưa thật đồng bộ và hiệu quả.

Phần II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

Căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2012 và tình hình kinh tế thị trường năm 2013, Công ty xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2013 cụ thể như sau:

I. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU

STT	Các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2012 (tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2013 (tỷ đồng)
1	Tổng doanh thu	122,33	302,13
2	Lợi nhuận trước thuế và trích lập dự phòng	10,67	52,83
3	Trích lập dự phòng	10,48	0
4	Lợi nhuận sau thuế	0,19	42,09

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2013

Để đảm bảo hoàn thành được Kế hoạch SXKD năm 2013 đề ra, Công ty tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, trong năm 2013 hoàn thành công tác xây dựng phần thô, đẩy mạnh công tác bán hàng.
2. Dự án Khu đô thị mới Chí Linh - Cửa Lấp:
 - Triển khai kiểm kê chi tiết đền bù giải phóng mặt bằng; triển khai thiết kế bản vẽ thi công phân hạ tầng kỹ thuật.
 - Khởi công thi công Hạ tầng kỹ thuật của dự án.
 - Tìm kiếm các đối tác để hợp tác đầu tư và chuyển nhượng một phần dự án.
3. Dự án hợp tác đầu tư:
Đẩy nhanh công tác bán hàng tại các dự án: Chung cư Thái An 3&4, Cao ốc Lucky Apartment, Chung cư Khang Gia Gò Vấp, Khu dân cư Nam Long.
4. Phát triển hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng để tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
5. Nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ quản lý và CBNV, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

6. Thu xếp và tìm kiếm các nguồn vốn ổn định, có chi phí thấp nhằm tạo nguồn tài chính ổn định, kịp thời phục vụ việc đầu tư và phát triển các dự án.
7. Duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Tình hình hoạt động của Công ty năm 2012

a. Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2012, HĐQT gồm 05 thành viên trong đó 04 thành viên là kiêm nhiệm. Các thành viên HĐQT đã tích cực phối hợp, hỗ trợ Ban Giám đốc trong công tác điều hành Công ty. HĐQT đã tổ chức 01 kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 và 05 phiên họp HĐQT có mời thêm thành phần là Ban kiểm soát, Ban Giám đốc để đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT nghiêm túc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ của Công ty, bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Giám đốc điều hành, thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên HĐQT.

Năm 2012, HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017 đã họp để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty nhiệm kỳ mới. Với sự đồng thuận cao của các thành viên, Hội đồng quản trị đã nhất trí bầu ông Nguyễn Văn Bình giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Trần Mạnh Dũng tiếp tục giữ chức Giám đốc Công ty.

b. Các cuộc họp của HĐQT và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT

Nội dung và kết quả các cuộc họp của HĐQT

- Cuộc họp ngày 24/02/2012: Thông qua Kết quả hoạt động SXKD năm 2011 và Kế hoạch SXKD năm 2012, phê duyệt Quyết toán Chi phí quản lý năm 2011 và Kế hoạch Chi phí quản lý năm 2012, sửa đổi bổ sung Quy chế trả lương của Công ty.

- Cuộc họp ngày 19/4/2012: Thông qua kế hoạch triệu tập và nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012. Giới thiệu nhân sự bầu vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012-2017.

- Cuộc họp ngày 16/5/2012: Thành lập Phòng Kinh tế Kế hoạch

- Cuộc họp ngày 16/6/2012: Bầu ông Nguyễn Văn Bình làm Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012-2017 và ông Trần Mạnh Dũng làm Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2012-2015

- Cuộc họp ngày 25/10/2012: Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Chí Linh-Cửa Lấp tại Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	07/NQ-HĐQT	27/2/2012	Nghị quyết thông qua một số nội dung tại cuộc họp HĐQT ngày 24/2/2012
2	09/NQ-HĐQT	06/3/2012	Nghị quyết về việc tài trợ kinh phí xây dựng trung tâm giáo dục, học tập cộng đồng ở xã Phú An,

			huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
3	26/NQ-HĐQT	10/4/2012	Nghị quyết về việc tài trợ kinh phí xây dựng Trung tâm y tế xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.
4	31/NQ-HĐQT	23/4/2012	Nghị quyết về việc thông qua nội dung tại cuộc họp HĐQT ngày 19/4/2012
5	37/NQ-HĐQT	17/5/2012	Nghị quyết về việc thành lập phòng Kinh tế Kế hoạch
6	43/QĐ-HĐQT	11/6/2012	Quyết định về việc phê duyệt và ban hành Quy chế chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của phòng Kinh tế Kế hoạch
7	53/QĐ-HĐQT	16/6/2012	Nghị quyết thông qua nội dung cuộc họp HĐQT ngày 16/6/2012
8	54/QĐ-HĐQT	16/6/2012	Quyết định bổ nhiệm Giám đốc
19	55/QĐ-HĐQT	18/6/2012	Quyết định thay đổi Người đại diện phần vốn và tham gia Hội đồng quản trị các công ty
10	60/NQ-HĐQT	4/7/2012	Nghị quyết về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012
11	61/QĐ-HĐQT	04/7/2012	Quyết định về việc trích thưởng ban điều hành
12	69/NQ-HĐQT	01/8/2012	Nghị quyết về việc chi thưởng cho HĐQT, Ban kiểm soát, CBCNV nhân ngày thành lập Công ty
13	70/NQ-HĐQT	02/8/2012	Nghị quyết về việc cử Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phú Đạt
14	72/NQ-HĐQT	13/8/2012	Nghị quyết về việc không chuyển nhượng Bất động sản số 175 Bis/1-2-3-4 và 177 Nguyễn Đình Chiểu, P6, Q3, Tp Hồ Chí Minh
15	75/NQ-HĐQT	17/9/2012	Nghị quyết về việc trích bổ sung Quỹ thưởng Ban điều hành
16	76/QĐ-HĐQT	17/9/2012	Quyết định về việc phân phối quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty
17	77/QĐ-HĐQT	01/10/2012	Quyết định về việc sửa đổi bổ sung quy chế về công tác xây dựng và ban hành văn bản
18	80/NQ-HĐQT	26/10/2012	Nghị quyết về việc thông qua Nội dung tại cuộc họp HĐQT ngày 25/10/2012

19	81/QĐ-HĐQT	29/10/2012	Quyết định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Chí Linh-Cửa Lấp tại phường 12, Tp Vũng Tàu
20	85/NQ-HĐQT	27/12/2012	Nghị quyết về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán chi phí và kế hoạch đấu thầu gói thầu khảo sát địa chất công trình phục vụ TKBVTC Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Chí Linh-Cửa Lấp, P.12, TP.Vũng Tàu

c. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc công tác giám sát đối với Ban Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT và Ban Giám đốc đã thực hiện đúng các quyền hạn và nhiệm vụ của mình đã được quy định trong Điều lệ hoạt động của Công ty.

d. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2012

Năm 2012 thị trường bất động sản gần như đóng băng, giao dịch bất động sản trầm lắng khiến các doanh nghiệp bất động sản gặp rất nhiều khó khăn. Do đó các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận của Công ty không đạt được như kế hoạch ĐHCĐ đã thông qua. Trong năm 2012, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện các dự án Bất động sản và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng.

▪ Các dự án Công ty làm chủ đầu tư:

- Dự án KCN Dầu khí Long Sơn, Tp. Vũng Tàu
- Dự án Khu đô thị mới Chí Linh-Cửa Lấp, Phường 12, Tp.Vũng Tàu
- Dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, TP.HCM

▪ Các dự án Công ty hợp tác đầu tư:

- Dự án Chung cư Thái An 3&4, Quận 12, TP.HCM
- Dự án Cao ốc Lucky Apartment, Quận Tân Phú, TP.HCM
- Dự án Chung cư Khang Gia, Quận Gò Vấp, TP.HCM
- Dự án Khu dân cư Nam Long, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
- Dự án Khu nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Dự án Khách sạn Dầu khí Kinh Bắc, phường Suối Hoa, Tp. Bắc Ninh

▪ Đầu tư góp vốn vào các Công ty:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)
- Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt)
- Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (Lam Kinh Hotel)
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Mi (Đak Mi Hydropower)

e. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2013

Năm 2013, dự báo thị trường bất động sản còn gặp nhiều khó khăn. Sau khi đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012, HĐQT đã đưa ra kế hoạch hoạt động năm 2013 như sau:

- HĐQT phối hợp với Ban Giám đốc tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án do Công ty làm chủ đầu tư: Dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát, Dự án Khu đô thị mới Chí Linh-Cửa Lấp; Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn.
- Xây dựng và kiểm soát công tác quản trị tài chính chặt chẽ; thường xuyên theo dõi tiến độ công việc cũng như giám sát tài chính các Công ty và dự án tham gia góp vốn điều lệ và góp vốn đầu tư;
- Tiếp tục kiện toàn, nâng cao năng lực quản lý, điều hành, nâng cao vai trò chủ động của các phòng ban chức năng, hoạch định và phát triển nguồn nhân lực có trình độ.
- Đôn đốc Ban Giám đốc hoàn thành Kế hoạch SXKD năm 2013, đảm bảo mục tiêu doanh thu, lợi nhuận và cổ tức sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013;
- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi để đưa ra những quyết định kịp thời nhằm tháo gỡ các khó khăn cho Ban Giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT cam kết quản lý chỉ đạo Công ty mạnh mẽ hơn nữa theo định hướng đảm bảo sự phát triển của Công ty gắn với đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

ST T	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU NĂM GIỮ	SỐ LƯỢNG CHỨC DANH THÀNH VIÊN HĐQT TẠI CÔNG TY KHÁC
1	Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	0	1
2	Ông Trần Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT	10.000	1
3	Ông Hoàng Bình Trung	Thành viên HĐQT	6.500	0
4	Ông Nguyễn Văn Thúc	Thành viên HĐQT không điều hành	0	2
5	Ông Phạm Quy Nhơn	Thành viên HĐQT không điều hành/ độc lập	12.400	1

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty PVC-IDICO không thành lập các tiểu ban.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã tiến hành 05 cuộc họp để thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, tất cả các nội dung trình đã được thông qua tại Đại hội. Hội đồng quản trị đã phối hợp với Ban giám đốc để điều hành Công ty một cách hiệu quả nhất, bảo toàn và phát triển nguồn vốn của các cổ đông.

Nội dung và kết quả các cuộc họp Hội đồng quản trị:

- Cuộc họp ngày 24/02/2012: Thông qua Kết quả hoạt động SXKD năm 2011 và Kế hoạch SXKD năm 2012, phê duyệt Quyết toán Chi phí quản lý năm 2011 và Kế hoạch Chi phí quản lý năm 2012, sửa đổi bổ sung Quy chế trả lương của Công ty.

- Cuộc họp ngày 19/4/2012: Thông qua kế hoạch triệu tập và nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012. Giới thiệu nhân sự bầu vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012-2017.

- Cuộc họp ngày 16/5/2012: Thành lập Phòng Kinh tế Kế hoạch

- Cuộc họp ngày 16/6/2012: Bầu ông Nguyễn Văn Bình làm Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012-2017 và ông Trần Mạnh Dũng làm Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2012-2015

- Cuộc họp ngày 25/10/2012: Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Chí Linh-Cửa Lấp tại Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty PVC-IDICO không thành lập các tiểu ban

1.6 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty: ông Nguyễn Văn Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

ST T	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU NĂM GIỮ	CÁC CK KHÁC DO CÔNG TY PHÁT HÀNH	GHI CHÚ
1	Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Trưởng BKS	1.000	0	
2	Ông Bùi Hoàng Giang	Thành viên BKS	0	0	
3	Ông Lê Hoàng Quân	Thành viên BKS	0	0	Bầu ngày 16/6/2012
4	Bà Lê Thị Kim Anh	Thành viên BKS	2.941	0	Miễn nhiệm ngày 16/6/2012

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2012, Ban kiểm soát Công ty đã hoạt động rất tích cực và hiệu quả. Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát Công ty theo đúng chức năng và nhiệm vụ của mình được quy định trong Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát tổ chức 02 cuộc họp để kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2011 và 2012, kiểm soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2011 và 6 tháng đầu năm 2012.

Nội dung và kết quả các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Cuộc họp từ ngày 12/03/2012 đến ngày 15/03/2012: Kiểm tra tình hình hoạt động của Công ty năm 2011 và việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011. Ban kiểm soát đã ra Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty năm 2011 trình Đại hội đồng cổ đông năm 2012 thông qua.

Cuộc họp từ ngày 13/9/2012 đến ngày 14/9/2012: Kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012, kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 và xem xét tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2012. Ban kiểm soát đã ra Báo cáo kiểm soát 6 tháng đầu năm 2012.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Lương, thù lao HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát : 2.013.403.264 đồng

Các khoản thu nhập khác : 72.000.000 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Phạm Trung Thực	Em ông Phạm Tất Thành – UV HĐQT	61.275	0.00	27.005	0.00	Mua, bán trên sàn GDCK
2	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Con bà Nguyễn Thị Kim Dung – Trưởng BKS	12.000	0.00	0	0.00	Bán 12.000 cổ phiếu trên sàn GDCK
3	Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	0	0.00	0	0.00	Mua và bán 10.000 cổ phiếu trên sàn GDCK
4	Chu Thị Thu Hiền	Vợ ông Trần Mạnh Dũng – Giám đốc	40.000	0.00	0	0.00	Mua 19.600 cổ phiếu và bán 59.600 cổ phiếu trên sàn GDCK

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Số. 185/2013/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 25 tháng 02 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (gọi tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế trong xử lý kế toán

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, Công ty đã thực hiện việc đánh giá giảm giá đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (Mã chứng khoán là PSG) được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với số tiền là 3.900.000.000 đồng. Tuy nhiên, thay vì hạch toán vào chi phí tài chính với số tiền tương ứng, Công ty đã sử dụng quỹ Dự phòng tài chính để bù đắp khoản giảm giá chứng khoán nêu trên theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 85 ngày 27 tháng 12 năm 2012.

Việc ghi nhận như trên, sẽ làm cho kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận lũy kế chưa phân phối cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 tăng lãi lên một khoản tương ứng.

Tại ngày 31/12/2012, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nội ngoại thất Dầu khí do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO nắm giữ đang còn trong thời gian hạn chế chuyển nhượng do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO là cổ đông sáng lập và cổ phiếu sẽ được giao dịch trong năm 2013. Tại ngày 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện việc đánh giá và trích lập dự phòng của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nội ngoại thất Dầu khí. Nếu thực hiện việc đánh giá và trích lập dự phòng thì khoản chi phí dự phòng đầu tư cần trích lập là 5.639.370.396 đồng. Theo đó, kết quả hoạt động kinh doanh và lợi nhuận chưa phân phối lũy kế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ ảnh hưởng theo một khoản tương ứng.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại phần Hạn chế trong xử lý kế toán, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày trên, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Nguyễn Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV

Nguyễn Tiên Trình

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1806/KTV

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		555.750.785.986	553.106.695.187
(100) = 110+120+130+140+150				
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	48.390.481.982	13.493.094.469
1. Tiền	111		290.481.982	743.094.469
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.100.000.000	12.750.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		426.347.811.357	449.987.392.423
1. Phải thu khách hàng	131		8.857.396.640	58.009.003.611
2. Trả trước cho người bán	132		1.196.798.933	1.157.391.023
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	416.293.615.784	390.820.997.789
IV- Hàng tồn kho	140		80.058.152.940	89.045.961.334
1. Hàng tồn kho	141	5.3	80.058.152.940	89.045.961.334
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		954.339.707	580.246.961
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		500.000.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		280.841.414	238.926.519
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		3.782.109	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	169.716.184	341.320.442
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		422.316.673.878	439.945.922.159
(200 = 210+220+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210		48.825.000.000	48.825.000.000
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.5	48.825.000.000	48.825.000.000
II Tài sản cố định	220		18.450.083.265	19.223.319.254
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	900.083.265	1.665.485.124
- Nguyên giá	222		2.507.610.092	3.474.189.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.607.526.827)	(1.808.704.423)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	7.834.130
- Nguyên giá	228		41.782.000	41.782.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.782.000)	(33.947.870)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	17.550.000.000	17.550.000.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		338.887.391.454	353.356.783.331
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	215.515.000.000	215.515.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	147.882.391.454	147.882.391.454
4. Dự phòng giảm giá ĐTTC dài hạn	259	5.11	(24.510.000.000)	(10.040.608.123)
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.154.199.159	18.540.819.574
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	16.154.199.159	18.540.819.574
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		978.067.459.864	993.052.617.346
(270 = 100+200)				

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		136.322.767.053	147.245.610.765
I- Nợ ngắn hạn	310		136.264.781.603	129.066.845.315
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	101.620.000.000	101.620.000.000
2. Phải trả người bán	312		274.238.403	433.536.671
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	2.954.632.581	3.567.448.608
6. Chi phí phải trả	316		531.472.206	583.621.618
9. Các khoản phải trả, nộp khác	319	5.15	29.643.329.175	21.764.414.232
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.165.606.290	770.420.024
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		75.502.948	327.404.162
II- Nợ dài hạn	330		57.985.450	18.178.765.450
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.16	-	18.118.600.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		57.985.450	60.165.450
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		841.744.692.811	845.807.006.581
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	841.744.692.811	845.807.006.581
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		827.222.120.000	827.222.120.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(963.047.282)	(952.954.300)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.938.524.280	2.818.906.337
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.335.613.947	7.205.996.004
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		949.808.972	390.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.261.672.894	9.122.938.540
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	440		978.067.459.864	993.052.617.346

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	80.029.990.674	176.495.467.626
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	5.18	80.029.990.674	176.495.467.626
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	75.629.725.078	167.907.955.635
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4.400.265.596	8.587.511.991
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	21.126.335.506	27.952.282.223
7. Chi phí tài chính	22	5.21	19.176.276.550	18.109.092.012
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.612.351.601	8.063.203.889
8. Chi phí bán hàng	24	5.22	413.841.872	1.235.301.483
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.23	9.933.127.631	14.600.531.309
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(3.996.644.951)	2.594.869.410
11. Thu nhập khác	31	5.24	4.783.745.169	9.465.943.411
12. Chi phí khác	32	5.24	600.440.620	231.734.527
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		4.183.304.549	9.234.208.884
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		186.659.598	11.829.078.294
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	-	1.835.402.197
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		186.659.598	9.993.676.097
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	2,3	110

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	186.659.598	11.829.078.294
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	442.419.121	731.369.646
- Các khoản dự phòng	03	10.479.391.877	10.040.608.123
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(440.514)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(21.500.008.974)	(10.800.000)
- Chi phí lãi vay	06	8.612.351.601	8.063.203.889
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.779.186.777)	30.653.019.438
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	27.898.969.057	(53.272.366.449)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8.987.808.394	(29.260.237.987)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(16.597.703.361)	41.229.191.030
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.886.620.415	2.755.867.223
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(3.087.415.833)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.685.059.338)	(2.669.966.718)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(510.874.582)	(1.283.010.726)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20	18.200.573.808	(14.934.920.022)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(35.509.664)	74.713.520.213
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	740.000.000	10.800.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.583.480.737)	(32.744.755.041)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	16.333.446.193
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	20.576.335.506	2.721.638.741
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.697.345.105	(88.392.390.320)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(952.954.300)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.000.531.400)	(33.685.139.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.000.531.400)	(34.638.093.425)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	34.897.387.513	(137.965.403.767)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.493.094.469	151.458.057.722
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	440.514
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	48.390.481.982	13.493.094.469

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí IDICO Long Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4903000409 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2007. Sau khi chuyển trụ sở làm việc từ Thành phố Vũng Tàu lên Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2011 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 07 năm 2011 và thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 9 năm 2011.

Sở hữu vốn:

Đối tượng góp vốn	Vốn theo đăng ký kinh doanh VND	Số đã thực góp đến 31/12/2012 VND	Tỷ lệ đã góp (%)	Cổ phần
I. Cổ đông sáng lập				
1 Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	132.360.050.000	132.360.050.000	16%	13.236.005
2 Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (IDICO)	70.641.030.000	70.641.030.000	9%	7.064.103
II. Các cổ đông khác	624.221.040.000	624.221.040.000	75%	62.422.104
Tổng	827.222.120.000	827.222.120.000	100%	82.722.212

Địa chỉ đăng ký: Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình công nghiệp; Công trình giao thông (cầu, đường, cống); Xây dựng công trình thủy lợi; Xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước; Xây dựng công trình đường ống cấp- thoát nước; Xây dựng kết cấu công trình; Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế; Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, dầu khí, khai khoáng, lâm nghiệp, nông nghiệp và xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh vật liệu xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong Báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 tại Thuyết minh số 6.2.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Công ty không có đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” liên quan đến các nghiệp vụ ngoại tệ như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu phải trả có gốc ngoại tệ cuối niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>2012</u>
	<u>Số năm</u>
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	03 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các công ty liên kết và liên doanh

Các công ty liên kết là các công ty mà Công ty có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể nhưng không nắm quyền kiểm soát, thông thường Công ty nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết.

Công ty liên doanh là hợp đồng liên doanh trong đó Công ty và các đối tác khác thực hiện các hoạt động kinh tế trên cơ sở thiết lập quyền kiểm soát chung.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước chi phí thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê Lầu 3 Tòa nhà Khang Thông tại địa chỉ Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian thuê 10 năm (15/5/2010 đến 14/5/2020) đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Trong năm hoạt động, không có chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Điều chỉnh hồi tố

Trong năm 2012, Công ty đã xem xét lại bản chất của một số nghiệp vụ liên quan đến các khoản hợp tác kinh doanh để đầu tư các dự án, cho vay vốn, lãi vay trích lập... để trình bày vào các chỉ tiêu phù hợp trên Báo cáo tài chính năm 2012 và thực hiện trình bày lại một số chỉ tiêu đầu kỳ tương ứng của Báo cáo tài chính năm 2012. Cụ thể như sau:

Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011

TÀI SẢN	MS	Sau điều chỉnh VND	Trước điều chỉnh VND	Chênh lệch VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	743.094.469	771.624.478	(28.530.009)
1. Tiền	111	743.094.469	771.624.478	(28.530.009) {1}
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121	-	164.269.958.186	(164.269.958.186) {3}
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130	391.978.388.812	156.928.036.769	235.050.352.043
2. Trả trước cho người bán	132	1.157.391.023	40.992.632.793	(39.835.241.770) {1}
5 Các khoản phải thu khác	135	390.820.997.789	115.935.403.976	274.885.593.813 {1}/{3}
IV- Hàng tồn kho	140	89.045.961.334	159.794.567.336	(70.748.606.002)
1. Hàng tồn kho	141	89.045.961.334	159.794.567.336	(70.748.606.002) {1}
V- Tài sản ngắn hạn khác	150	238.926.519	246.621.519	(7.695.000)
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	238.926.519	246.621.519	(7.695.000) {1}
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200			
(200 = 210+220+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210			
4. Phải thu dài hạn khác	218	48.825.000.000	-	48.825.000.000 {2}
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	-	48.825.000.000	(48.825.000.000) {2}
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	482.006.371.134	317.740.850.102	(4.437.154)

{1}: Công ty cho bên đối tác cùng đầu tư vào Dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát vay, khoản cho vay đã được trình bày tương ứng trên các chỉ tiêu “Ứng trước cho người bán; Hàng tồn kho; Các khoản phải thu khác”. Công ty xác định lại đây là khoản cho bên đối tác vay, nên trình bày lại tổng số tiền cho vay còn phải thu trên chỉ tiêu “ Các khoản phải thu khác”.

{2} Đây là khoản đầu tư dự án Khu nhà ở thương mại Tương Bình Hiệp với số vốn là 48.825.000.000 đồng giữa ba bên Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Dầu khí Sông Hồng và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng và Đô thị Dầu khí. Các bên thỏa thuận phương thức hợp tác là cùng góp vốn, cùng hợp tác thực hiện và cùng phân chia lợi nhuận, rủi ro theo tỷ lệ góp vốn mà không thành lập pháp nhân. Theo đó, khoản tiền chuyển cho Ban quản lý dự án cần ghi nhận như một khoản phải thu dài hạn khác, thay vì là khoản đầu tư dài hạn khác.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Điều chỉnh hồi tố (Tiếp theo)

{3} Đây là khoản đầu tư dự án là các Chung cư Thái An 3&4; Chung cư Khang Gia; Dự án KDC Nam Long, Long An, Công ty đã hợp tác góp vốn với các đối tác để thực hiện các dự án trên. Hoạt động đầu tư này không hình thành cơ sở đồng kiểm soát nên cần ghi nhận như một khoản phải thu khác, thay vì ghi nhận như một khoản đầu tư ngắn hạn.

NGUỒN VỐN	MS	Sau điều chỉnh VND	Trước điều chỉnh VND	Chênh lệch VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300			
I- Nợ ngắn hạn	310	21.764.414.232	20.161.076.454	1.198.066.179
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	3.567.448.608	3.972.720.207	(405.271.599) {4}
9. Các khoản phải trả, nộp khác	319	21.764.414.232	20.161.076.454	1.603.337.778 {4}
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			
I- Vốn chủ sở hữu	410	9.122.938.540	10.325.441.873	(1.202.503.333)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	9.122.938.540	10.325.441.873	(1.202.503.333) {4}
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	30.887.352.772	30.486.518.327	(4.437.154)

{4}: Trích bổ sung lãi vay năm 2011 phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Sau điều chỉnh VND	Trước điều chỉnh VND	Chênh lệch VND
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	82.707.571	82.722.212	(14.641) {1}
Lợi nhuận sau thuế	9.993.676.097	11.196.179.430	(1.202.503.333)
Trích lập quỹ khen thưởng/phúc lợi	870.737.557	870.737.557	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	110	125	(14,52)

{1}: Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, Công ty không thực hiện loại trừ cổ phiếu quỹ khi xác định số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	MS	Sau điều chỉnh VND	Trước điều chỉnh VND	Chênh lệch VND
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Chi phí lãi vay	06	8.063.203.889	6.459.866.111	1.603.337.778 {1}
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08			
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(53.272.366.449)	(53.243.836.440)	(28.530.009)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20	(45.209.162.560)	(46.783.970.329)	1.574.807.769

{1}: Tại ngày 31/12/2011, Công ty chưa thực hiện việc trích trước chi phí lãi vay phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam từ ngày 21/10/2011 đến ngày 31/12/2011 cho khoản nhận chuyển nhượng vốn.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	54.672.377	324.008.677
Tiền gửi ngân hàng	235.809.605	419.085.792
Các khoản tương đương tiền	48.100.000.000	12.750.000.000
Tổng	48.390.481.982	13.493.094.469

Các khoản tương đương tiền trình bày các khoản tiền ký quỹ tại các ngân hàng thương mại.

5.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty cùng góp vốn vay để đầu tư vào dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát	142.728.280.365	110.615.635.627
Phải thu tiền cổ tức	2.210.534.245	1.660.534.245
Phải thu từ chuyển nhượng vốn, cổ phần của Công ty CP Tổng Công ty xây dựng Dầu khí Nghệ An (*)	111.668.396.111	111.668.396.111
Phải thu khoản phân chia lợi nhuận bán căn hộ	5.256.100.156	1.965.967.090
Đầu tư các dự án không hình thành cơ sở đồng kiểm soát (**)	153.044.962.319	164.269.958.186
Phải thu khác	1.385.342.588	640.506.530
Tổng	416.293.615.784	390.820.997.789

(*) Là khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu Khí Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An) liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng Dầu Khí 12.9 số 29/HĐCN/PIVLS-PNC ký ngày 19/04/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO và Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu Khí Nghệ An với số tiền gốc là 104.920.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán phát sinh là 6.748.396.111 đồng. Theo phụ lục số 05/PLHĐ/PVC IDICO-PVNC ngày 31/12/2012, khoản công nợ này sẽ được thu hồi ngày 30/06/2013.

(**) Công ty phối hợp cùng với các đối tác thực hiện đầu tư các dự án chung cư và không hình thành nên cơ sở đồng kiểm soát.

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Dự án chung cư Thái An 3&4	51.139.345.806	61.541.219.303
Dự án chung cư Kháng Gia - Lucky Apartment	19.971.514.282	35.077.220.391
Dự án chung cư Khang Gia - Gò Vấp	64.138.545.462	46.613.900.788
Dự án KDC Nam Long, Long An	17.795.556.769	21.037.617.704
Tổng	153.044.962.319	164.269.958.186

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	73.215.304.778	82.203.113.172
Hàng hóa bất động sản	6.842.848.162	6.842.848.162
Tổng	80.058.152.940	89.045.961.334

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	162.951.640	339.522.241
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.764.544	1.798.201
Tổng	169.716.184	341.320.442

5.5 Phải thu dài hạn khác

Nghị quyết số 115/NQ-HĐQT ngày 27/9/2010 của Hội đồng quản trị về việc hợp tác đầu tư dự án Khu nhà ở thương mại Tương Bình Hiệp với số vốn là 48.825.000.000 đồng. Hợp đồng hợp tác số 174/2010/HĐHTĐT ngày 27/9/2010 về việc hợp tác với chủ đầu tư để hoàn thiện thủ tục, hồ sơ pháp lý và triển khai thực hiện Dự án Khu nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương giữa ba bên Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng và Đô thị Dầu khí. Các bên thỏa thuận phương thức hợp tác là cùng góp vốn, cùng hợp tác thực hiện và cùng phân chia lợi nhuận, rủi ro theo tỷ lệ góp vốn mà không thành lập pháp nhân.

5.6 Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị: VND Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2012	3.106.566.515	367.623.032	3.474.189.547
Tăng trong năm	35.509.664	-	35.509.664
Mua trong kỳ	35.509.664	-	35.509.664
Giảm trong năm	1.002.089.119	-	1.002.089.119
Thanh lý, nhượng bán	1.002.089.119	-	1.002.089.119
Số dư tại 31/12/2012	2.139.987.060	367.623.032	2.507.610.092
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2012	1.564.696.821	244.007.602	1.808.704.423
Tăng trong năm	363.602.291	70.982.700	434.584.991
Khấu hao trong năm	363.602.291	70.982.700	434.584.991
Giảm trong năm	635.762.587	-	635.762.587
Thanh lý, nhượng bán	635.762.587	-	635.762.587
Số dư tại 31/12/2012	1.292.536.525	314.990.302	1.607.526.827
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2012	1.541.869.694	123.615.430	1.665.485.124
Tại 31/12/2012	847.450.535	52.632.730	900.083.265

5.7 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư tại 01/01/2012	41.782.000
Tăng trong năm	-
Giảm trong năm	-
Số dư tại 31/12/2012	41.782.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư tại 01/01/2012	33.947.870
Tăng trong năm	7.834.130
Khấu hao trong năm	7.834.130
Giảm trong năm	-
Số dư tại 31/12/2012	41.782.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại 01/01/2012	7.834.130
Tại 31/12/2012	-

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Dự án khách sạn Dầu khí Kinh Bắc	17.550.000.000	17.550.000.000
Tổng	17.550.000.000	17.550.000.000

5.9 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.000.000.000	14.000.000.000
Công ty CPĐT và Xây dựng Dầu khí Phú đạt	201.515.000.000	201.515.000.000
Tổng	215.515.000.000	215.515.000.000

5.9 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (Tiếp theo)

Chi tiết đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đầu tư vào Công ty liên kết	Vốn điều lệ/ mức đầu tư	Vốn Công ty đăng ký góp	Tỷ lệ sở hữu vốn	Công ty đã góp đến 31/12/2012
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	70.000.000.000	14.000.000.000	20%	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú đạt	430.000.000.000	201.515.000.000	47%	201.515.000.000
Tổng	500.000.000.000	215.515.000.000		215.515.000.000

Đầu tư vào Công ty liên kết	Mệnh giá	Số cổ phiếu	Ngành nghề kinh doanh
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.000	1.400.000	Bán buôn cửa nhựa, cửa nhựa lõi sắt, hàn đà điện
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú đạt	10.000	20.151.500	Dịch vụ tư vấn bất động sản
Tổng		21.551.500	

5.10 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	28.500.000.000	28.500.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Dak Mi 4	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	28.382.391.454	28.382.391.454
Tổng	147.882.391.454	147.882.391.454

Chi tiết đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác	Vốn điều lệ/ mức đầu tư	Vốn Công ty đăng ký góp	Tỷ lệ sở hữu vốn	Công ty đã góp đến 31/12/2012
Đầu tư góp vốn kinh doanh	1.660.000.000.000	147.882.390.000		147.882.391.454
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	350.000.000.000	28.500.000.000	8,14%	28.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	150.000.000.000	11.000.000.000	7,33%	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Dak Mi 4	1.000.000.000.000	80.000.000.000	8,00%	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	160.000.000.000	28.382.390.000	17,74%	28.382.391.454
Tổng	1.660.000.000.000	147.882.390.000		147.882.391.454

Đầu tư dài hạn khác	Mệnh giá	Số cổ phiếu	Ngành nghề kinh doanh
Đầu tư góp vốn kinh doanh			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	10.000	2.850.000	Xây dựng nhà các loại, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	10.000	1.100.000	Xây dựng công trình dầu khí dân dụng
Công ty Cổ phần Thủy Điện Dak Mi 4	10.000	8.000.000	Sản xuất truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	10.000	2.838.239	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng.
Tổng		14.788.239	

5.11 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	24.510.000.000	8.692.500.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	-	1.348.108.123
Tổng	24.510.000.000	10.040.608.123

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	18.540.819.574
Tăng	12.455.000
Phân bổ vào chi phí trong năm	2.399.075.415
Tại ngày 31 tháng 12	16.154.199.159

Chi tiết theo khoản mục chi phí

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí thuê văn phòng	16.139.257.365	18.327.631.245
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.941.794	213.188.329
Tổng	16.154.199.159	18.540.819.574

Chi phí thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê Lầu 3 Tòa nhà Khang Thông tại địa chỉ Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian thuê 10 năm (15/5/2010 đến 14/5/2020) đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

5.13 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
1. Vay cá nhân và tổ chức	101.620.000.000	101.620.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	101.620.000.000	101.620.000.000
Tổng	101.620.000.000	101.620.000.000

Hợp đồng vay Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam để thanh toán tiền mua cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Dầu Khí Phú Đạt. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi tiền vay với lãi suất 8%/năm.

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.115.147.049	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.839.485.532	3.524.544.870
Thuế thu nhập cá nhân	-	42.903.738
Tổng	2.954.632.581	3.567.448.608

5.15 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	51.726.422	17.013.364
Bảo hiểm xã hội	14.473.441	17.542.671
Bảo hiểm y tế	6.295.493	6.295.493
Bảo hiểm thất nghiệp	2.624.292	2.624.292
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.568.209.527	21.720.938.412
Tổng	29.643.329.175	21.764.414.232

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Cổ tức các cổ đông khác	12.642.540.487	13.643.071.887
Lãi vay ngắn hạn phải trả cho	16.675.555.490	8.063.203.889
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam		
Phải trả khác	250.113.550	14.662.636
Tổng	29.568.209.527	21.720.938.412

5.16 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	-	18.118.600.000
Tổng	-	18.118.600.000

Trong quá trình triển khai Dự án khu công nghiệp Long Sơn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO có nhận ký quỹ, ký cược dài hạn một số tiền của Công ty Hóa dầu Long Sơn để thực hiện dự án. Tại ngày 31/12/2012, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO và Công ty Hóa dầu Long Sơn đã tất toán khoản ký quỹ nêu trên.

5.17 Vốn chủ sở hữu

a - Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

							Đơn vị tính: VND	
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng	
Số dư tại 01/01/2011	827.222.120.000	-	2.818.906.337	7.205.996.004	390.000.000	37.637.268.569	875.274.290.910	
Tăng trong năm	-	(952.954.300)	-	-	-	11.196.179.430	10.243.225.130	
Lãi	-	-	-	-	-	11.196.179.430	11.196.179.430	
Mua cổ phiếu quỹ	-	(952.954.300)	-	-	-	-	(952.954.300)	
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	39.710.509.459	39.710.509.459	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	683.010.726	683.010.726	
Cổ tức	-	-	-	-	-	37.224.995.400	37.224.995.400	
Điều chỉnh hồi tố	-	-	-	-	-	1.202.503.333	1.202.503.333	
Giảm khác	-	-	-	-	-	600.000.000	600.000.000	
Số dư tại 31/12/2011	827.222.120.000	(952.954.300)	2.818.906.337	7.205.996.004	390.000.000	9.122.938.540	845.807.006.581	
Số dư tại 01/01/2012	827.222.120.000	(952.954.300)	2.818.906.337	7.205.996.004	390.000.000	9.122.938.540	845.807.006.581	
Tăng trong năm	-	(10.092.982)	1.119.617.943	1.119.617.943	559.808.972	186.659.598	2.975.611.474	
Lãi	-	-	-	-	-	186.659.598	186.659.598	
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.119.617.943	1.119.617.943	559.808.972	-	2.799.044.858	
Tăng khác	-	(10.092.982)	-	-	-	-	(10.092.982)	
Giảm trong năm	-	-	-	3.990.000.000	-	3.047.925.244	7.037.925.244	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	3.047.925.244	3.047.925.244	
Giảm khác	-	-	-	3.990.000.000	-	-	3.990.000.000	
Số dư tại 31/12/2012	827.222.120.000	(963.047.282)	3.938.524.280	4.335.613.947	949.808.972	6.261.672.894	841.744.692.811	

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng góp vốn	Vốn theo đăng ký kinh doanh VND	Số đã thực góp đến 31/12/2012 VND	Tỷ lệ đã góp (%)	Cổ phần
I. Cổ đông sáng lập				
1 Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	132.360.050.000	132.360.050.000	16%	13.236.005
2 Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (IDICO)	70.641.030.000	70.641.030.000	9%	7.064.103
II. Các cổ đông khác	624.221.040.000	624.221.040.000	75%	62.422.104
Tổng	827.222.120.000	827.222.120.000	100%	82.722.212

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	827.222.120.000	827.222.120.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	827.222.120.000	827.222.120.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	37.224.995.400

d. Cổ phiếu

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	82.722.212	82.722.212
Cổ phiếu phổ thông	82.722.212	82.722.212
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	221.800	221.800
Cổ phiếu phổ thông	221.800	221.800
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.500.412	82.500.412
Cổ phiếu phổ thông	82.500.412	82.500.412
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

5.18 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng	79.902.899.765	176.380.922.172
Doanh thu cung cấp dịch vụ	127.090.909	114.545.454
Tổng	80.029.990.674	176.495.467.626

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	75.629.725.078	167.907.955.635
Tổng	75.629.725.078	167.907.955.635

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.302.442.926	21.849.734.377
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.823.892.580	4.469.916.202
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	440.514
Lãi bán hàng trả chậm	-	1.632.191.130
Tổng	21.126.335.506	27.952.282.223

5.21 Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	8.612.351.601	8.063.203.889
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	20.053.096	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	63.498.449	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	10.479.391.877	10.040.608.123
Chi phí hoạt động tài chính khác	981.527	5.280.000
Tổng	19.176.276.550	18.109.092.012

5.22 Chi phí bán hàng

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	347.306.344	996.971.063
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.190.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.101.528	238.330.420
Chi phí bằng tiền khác	244.000	-
Tổng	413.841.872	1.235.301.483

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.568.162.122	7.177.254.462
Chi phí vật liệu quản lý	37.149.089	118.342.841
Chi phí đồ dùng văn phòng	129.209.725	605.962.913
Chi phí khấu hao TSCĐ	289.082.289	729.264.178
Thuế, phí và lệ phí	28.780.574	129.469.361
Chi phí dự phòng	-	63.763.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.880.038.156	3.682.303.980
Chi phí bằng tiền khác	2.000.705.676	2.094.170.374
Tổng	9.933.127.631	14.600.531.309

5.24 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập khác		
Thu từ nhượng bán tài sản	740.000.000	10.800.000
Thu nhập từ chi phí quá khứ liên quan đến dự án Tổ hợp hóa dầu Miền Nam của Cty TNHH Hóa dầu Long Sơn	3.846.888.247	9.355.127.579
Thu nhập khác	196.856.922	100.015.832
Tổng	4.783.745.169	9.465.943.411
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý và nhượng bán tài sản	366.326.532	2.105.468
Chi phí khác	234.114.088	229.629.059
Tổng	600.440.620	231.734.527
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	4.183.304.549	9.234.208.884

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán	186.659.598	11.829.078.294
Các khoản điều chỉnh tăng	798.331.940	826.018.747
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	798.331.940	826.018.747
Các khoản điều chỉnh giảm	1.823.892.580	4.469.916.202
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	1.823.892.580	4.469.916.202
Thu nhập chịu thuế	(838.901.042)	8.185.180.839
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	25%	25%
<i>Thuế TNDN phải nộp</i>	-	2.046.295.210
<i>Thuế TNDN được miễn giảm</i>	-	210.893.013
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.835.402.197

5.26 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	186.659.598	9.993.676.097
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		870.737.557
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	186.659.598	9.122.938.540
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	82.500.412	82.707.571
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2,3	110

5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.629.725.078	167.907.955.635
Chi phí nhân công	5.915.468.466	8.174.225.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.082.289	729.264.178
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.880.038.156	3.682.303.980
Chi phí khác bằng tiền	2.196.089.064	3.011.708.689
Tổng	85.910.403.053	183.505.458.007

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND
HDQT, BGĐ và Ban kiểm soát	Lương	2.103.403.264
	Các khoản khác	72.000.000
Tổng		2.175.403.264

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung	Năm 2012 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Lãi vay	8.612.351.601
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam - CN Vũng Tàu	Gửi tiền có kỳ hạn	25.533.012.120
	Lãi tiền gửi	538.861.704

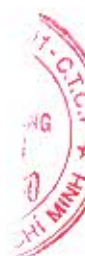
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	Cho thuê xe	49.000.000
---	-------------	------------

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<u>Phải thu khách hàng</u>			
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)		91.000.000	42.000.000
Tổng		91.000.000	42.000.000

Ứng trước cho nhà cung cấp

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Lắp dầu Khí Sài Gòn	1.559.361	1.559.361
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (IDICO)	875.589.572	875.589.572
Tổng	877.148.933	877.148.933



6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<u>Phải thu khác</u>			
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)		987.000.000	987.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc		1.223.534.245	673.534.245
Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An		111.668.396.111	111.668.396.111
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam - CN Vũng Tàu		435.750.000	-
Tổng		114.314.680.356	113.328.930.356
<u>Phải trả khác</u>			
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam		16.675.555.490	8.063.203.889
Tổng		16.675.555.490	8.063.203.889
<u>Vay ngắn hạn</u>			
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam		101.620.000.000	101.620.000.000
Tổng		101.620.000.000	101.620.000.000

6.2 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.13, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Giá trị còn lại 31/12/2012 VND	Giá trị còn lại 01/01/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.390.481.982	13.493.094.469
Các khoản đầu tư	123.372.391.454	137.841.783.331
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	425.151.012.424	448.830.001.400
Tổng cộng	596.913.885.860	600.164.879.200
Công nợ tài chính		
Phải trả khách hàng, phải trả nội bộ và phải trả khác	29.917.567.578	40.316.550.903
Chi phí phải trả	531.472.206	583.621.618
Khoản vay	101.620.000.000	101.620.000.000
Tổng cộng	132.069.039.784	142.520.172.521

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu khác. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị còn lại của số dư phải thu khác như trình bày tại Thuyết minh số 5.3.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2012			
Tiền và tương đương tiền	48.390.481.982	-	48.390.481.982
Đầu tư tài chính ngắn, dài hạn	-	123.372.391.454	123.372.391.454
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	425.151.012.424	-	425.151.012.424
			596.913.885.860
01/01/2012			
Tiền và tương đương tiền	13.493.094.469	-	13.493.094.469
Đầu tư tài chính ngắn, dài hạn	-	137.841.783.331	137.841.783.331
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	448.830.001.400	-	448.830.001.400
			600.164.879.200

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2012			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	29.917.567.578	-	29.917.567.578
Chi phí phải trả	531.472.206	-	531.472.206
Các khoản vay	101.620.000.000	-	101.620.000.000
			132.069.039.784
01/01/2012			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	40.316.550.903	-	40.316.550.903
Chi phí phải trả	583.621.618	-	583.621.618
Các khoản vay	101.620.000.000	-	101.620.000.000
			142.520.172.521

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.3 Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty



GIÁM ĐỐC
Trần Mạnh Dũng